TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B T** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:22/QĐST-HNGĐ	*B T, ngày 25 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 15/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa;

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T; Sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Thôn K, xã Á T, huyện B T, tỉnh T H.

Bị đơn: Anh Hà Văn Q; Sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Thôn K, xã Á T, huyện B T, tỉnh T H.

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2022

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Phạm Thị T và anh Hà Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Hà Văn Q tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Hà Văn Q tự nguyện thỏa thuận. Khi ly hôn anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Văn Q1, sinh ngày 03/01/2005 và cháu Hà Thị Thanh T2, sinh ngày 11/10/2008 cho đến tuổi thành niên. Chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Hà Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị T và anh Hà Văn Q tự nguyện thỏa thuận chị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Mộttrăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0008529 ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên